

Số: /GPMT-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH S&H Vina;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 và Quyết định số 5121/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH S&H Vina;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 06/CVMT-SH ngày 23/02/2023 của Công ty TNHH S&H Vina về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina tại Thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và văn bản giải trình ngày 15/5/2023 về việc hoàn thiện hồ sơ cấp phép môi trường của cơ sở: Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina tại Thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 479/TTr-STNMT ngày 25 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH S&H Vina, địa chỉ tại thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina tại thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2802185493 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 225/7/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30/8/2022.

1.4. Mã số thuế: 2802185493

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 15.000.000 sản phẩm may mặc/năm.

- Công nghệ sản xuất:

+ Công nghệ may: Nguyên liệu (vải, phụ kiện) nhập về kho → Kiểm tra vải → Đo, cắt vải theo thiết kế → Kiểm tra → Dây chuyền may → Đính cúc, phụ kiện → Là công nghiệp → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho.

+ Công nghệ giặt: Sản phẩm cần giặt theo yêu cầu của khách hàng → Phân loại đồ → giặt xả → Xấy khô → Đóng gói → Nhập kho.

- Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 108.000 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH S&H Vina được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH S&H Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép đối với các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Từ ngày 05 tháng 6 năm 2023 đến ngày 05 tháng 6 năm 2033).

Các Giấy phép môi trường thành phần là: Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 245/GP-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 284/GXN-UBND ngày 30/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thạch Thành và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH S&H Vina (để thực hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thạch Thành (để theo dõi);
- UBND xã Thành Tâm (để g/sát);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước đen là nước thải đi qua bể tự hoại như từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không đi qua bể tự hoại như nước tắm, rửa, giặt phát sinh từ khu vệ sinh của khu nhà văn phòng, các xưởng sản xuất, khu nhà ăn, nhà ở chuyên gia Nhà máy) với lưu lượng 311m³/ngày.đêm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ công đoạn giặt có lưu lượng 50 m³/ngày.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải lò hơi có lưu lượng 15 m³ /ngày.đêm (phát sinh không thường xuyên).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2226279; Y(m) = 580522 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 376m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, nước thải sau bể khử trùng của Trạm xử lý nước thải tập trung theo đường ống PVC, DN200 tự chảy vào mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (điểm xả có biển báo phục vụ việc kiểm soát nguồn thải).

- Hình thức xả thải: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, K_q = 0,9, K_f=1,1), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 – 9,0	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	49,5		
3	COD	mg/l	148,5		
4	TSS	mg/l	99		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,495		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9		
7	Tổng N	mg/l	39,6		
8	Tổng P	mg/l	5,94		
9	Tổng dầu mỡ, khoáng	mg/l	9,9		
10	Coliform	VK/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung:

- Nguồn số 1: Nước thải từ rửa tay, chân → Ống PVC, DN (200 – 400) → Bể thu gom nước thải của HTXL nước thải tập trung; Nước thải vệ sinh → Các bể tự hoại) → Ống PVC, DN (200-400) → Bể thu gom nước thải của HTXL nước thải tập trung; Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu mỡ → Ống PVC, DN (200-400) → Bể thu gom nước thải của HTXL nước thải tập trung.

- Nguồn số 2: Nước thải từ công đoạn giặt → Đường ống PVC, DN200 → Bể thu gom nước thải của HTXL nước thải tập trung.

- Nguồn số 3: Nước thải từ xử lý khí thải lò hơi → Bể lắng cặn → Đường ống PVC, DN (110-200) → Bể thu gom nước thải của HTXL nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ của Trạm xử lý nước thải tập trung:

Nước thải từ các nguồn → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Xả ra nguồn tiếp nhận.

1.2.2. Công suất thiết kế: 500 m³/ngày.đêm (24 giờ).

1.2.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý gấp 1,3 lần lưu lượng nước thải phát sinh để đảm bảo xử lý nước thải phát sinh tại cơ sở trong trường hợp quá tải.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố:

+ Sự cố hư hỏng các thiết bị phục vụ vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung (máy bơm, máy thổi khí...): Trang bị số lượng máy móc thiết bị (máy bơm, máy thổi khí...) gấp đôi số lượng cần cho vận hành để hoạt động luân phiên và có đủ thiết bị để sửa chữa, thay thế; lắp đặt thiết bị bảo vệ cho máy bơm, máy nén khí, máy khuấy (Zơ le nhiệt, Atomat, khởi động từ, phao điện, thiết bị chống mất pha, chống đảo pha...) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; lắp đặt đèn tín hiệu, còi báo dừng hoạt động các thiết bị khi có sự cố. Đơn vị vận hành kiểm tra các bộ phận của máy móc thiết bị và tiến hành thay thế kịp thời bằng thiết bị dự phòng hiện có của cơ sở.

+ Sự cố do quá trình xử lý hóa lý hoặc hư hỏng đường ống, các bể xử lý,...: Nhân viên vận hành và bảo trì tại nhà máy nhanh chóng đánh giá mức độ hư hỏng. Nếu mức độ hư hỏng nhẹ, nhanh chóng khắc phục để hệ thống được hoạt động bình thường. Trong trường hợp sự cố lớn không thể khắc phục kịp thời, Công ty thông báo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, đồng thời cho công nhân tạm thời nghỉ việc, chỉ bộ phận quản lý đi làm để hạn chế lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Sau khi khắc phục, sửa chữa xong sự cố, đưa hệ thống xử lý nước thải vào vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 4, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lợi và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.5. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng máy và thay thế thiết bị cho các công trình xử lý nước thải. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty TNHH S&H Vina chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu của giấy phép ra môi trường./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của lò đốt cấp hơi số 1 (đốt vải vụn).
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của lò đốt cấp hơi số 2 (đốt vải vụn).
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 1, phát sinh không thường xuyên, chỉ khi vận hành máy phát điện.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 2, phát sinh không thường xuyên, chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 05: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 3, phát sinh không thường xuyên, chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 06: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 4, phát sinh không thường xuyên, chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 07: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 5, phát sinh không thường xuyên, chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Ứng với ống khói của lò đốt cấp hơi số 1 (thoát khí thải của nguồn số 1 thu gom qua hệ thống xử lý khí thải) xả ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 2225954$; $Y(m) = 580568$.
- Dòng khí thải số 02: Ứng với ống khói của lò đốt cấp hơi số 2 (thoát khí thải của nguồn số 2 thu gom qua hệ thống xử lý khí thải) xả ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 2225958$; $Y(m) = 580564$.
- Dòng khí thải số 03, 04, 05, 06, 07: Ứng với ống khói của máy phát điện dự phòng số 01, 02, 03, 04, 05 (thoát khí thải của nguồn số 03, 04, 05, 06, 07 thu gom qua các hệ thống xử lý khí thải tích hợp theo các máy phát điện dự phòng) xả ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 2226076$; $Y(m) = 580835$ (5 máy phát điện dự phòng đặt gần nhau trong 01 nhà chứa và có 05 ống khói của 05 máy nằm sát nhau nên có cùng vị trí xả thải):
- Dòng khí thải số 8: Ứng với nguồn phát thải số 8. Tọa độ đại diện vị trí xả khí thải: $X(m) = 2226165$; $Y(m) = 580082$.

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° , múi giờ 3°)

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina tại thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 37.969 m³/giờ:

- Dòng khí thải số 01: 11.000 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 02: 11.000 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 03: 5.073 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 04: 6.594,9 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 05: 6.594,9 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 06: 3.111,4 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 07: 6.594,9 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 8: Không xác định.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Xả liên tục 24/24 giờ trong quá trình sản xuất.
- Dòng khí thải số 02: Xả liên tục khi sử dụng lò đốt hơi số 02.
- Dòng khí thải số 03, 04, 05, 06, 07: Xả gián đoạn (Chỉ xả khi máy phát điện dự phòng hoạt động).
- Dòng khí thải số 08: Tự phát tán ra môi trường 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí:

- Dòng khí thải số 01 và số 02: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	100	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	250		
3	NO _x (theo NO ₂)	mg/Nm ³	500		
4	SO ₂	mg/Nm ³	250		
5	HCl	mg/Nm ³	50		
6	Tổng hydrocacbon, HC	mg/Nm ³	50		
7	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Ti, Zn) và hợp chất tương ứng	mg/Nm ³	1,2		

- Dòng khí thải từ số 03 đến số 07: Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện,

thiết xử lý khí thải kèm theo thiết bị, nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Dòng khí thải số 08: Phải đảm bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi khí thải từ nguồn số 01 và số 02 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải lò đốt cấp hơi để xử lý, sau đó dẫn qua ống khói cao 23m xả thải ra ngoài môi trường.

- Bụi khí thải từ nguồn số 03, 04, 05, 06, 07 được xử lý qua hệ thống xử lý khí thải kèm theo máy phát điện, sau đó dẫn qua ống khói cao 4m ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải lò đốt cấp hơi: Xyclon khô xử lý bụi 02; quạt hút 02; tháp hấp thụ 02; máy bơm nước 02; Ống khói 02.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi: Khí thải của lò đốt cấp hơi → Xylcon khô xử lý bụi → Đường ống dẫn khí bằng thép không rỉ → Quạt hút → Tháp hấp thụ phun sương bằng dung dịch kiềm → Ống khói cao 23m → Môi trường.

+ Công suất thiết kế: 11.000 m³/h/01 hệ thống.

+ Số lượng hệ thống: 02 hệ thống (01 hệ thống/01 lò đốt cấp hơi).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch nước vôi trong Ca(OH)₂; NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này).

- Công trình xử lý khí thải máy phát điện dự phòng (nguồn thải số 03, 04, 05, 06, 07): Đường ống thu gom → Hệ thống xử lý khí thải tích hợp theo máy phát điện dự phòng → Ống khói → Môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải đã xuống cấp hoặc không có khả năng vận hành.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các hệ thống xử lý bụi, khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành.

- Trường hợp hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, dừng hoạt động sản xuất tại bộ phận có phát sinh bụi, khí thải (được xử lý tại hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố), đồng thời tìm nguyên nhân để khắc phục. Chỉ đưa bộ phận có phát sinh bụi, khí thải vào hoạt động sau khi đã khắc phục xong sự cố.

- Trường hợp bụi, khí thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, xác định nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, xả khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất thải ô nhiễm tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này.

3.2. Công ty TNHH S&H Vina chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Từ hoạt động của khu vực nhà xưởng.
- Nguồn số 2: Từ hoạt động của máy bơm, máy nén khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 3: Máy phát điện dự phòng số 1, số 2, số 3, số 4 và số 5 (khu vực đặt máy phát điện).
- Nguồn số 4: Từ hoạt động của các lò hơi.
- Nguồn số 5: Từ hoạt động của máy nén khí phục vụ sản xuất của nhà máy (phòng đặt máy nén khí).
- Nguồn số 6: Từ hoạt động của khu vực xưởng cơ khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X(m) = 2226123; Y(m) = 580121.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X(m) = 2226165; Y(m) = 580082.
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện: X(m) = 2226198; Y(m) = 580007.
- Nguồn số 04: Tọa độ đại diện: X(m) = 2226388; Y(m) = 580146.
- Nguồn số 05: Tọa độ đại diện: X(m) = 2226177; Y(m) = 580050.
- Nguồn số 06: Tọa độ đại diện: X(m) = 2226189; Y(m) = 579919.

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°)

Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung nằm trong khuôn viên Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina tại thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	10
2	Mực in thải	Rắn	08 02 01	250
3	Chất thải y tế lây nhiễm bao gồm cả chất thải sắc nhọn	Rắn	13 01 01	1
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng, thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	492
4	Pin thải, Ắc quy thải	Rắn	16 01 12	20
5	Bao bì nhựa thải (can nhựa, thùng nhựa dính CTNH thải)	Rắn	18 01 03	11
6	Giẻ lau dính dầu, chất hấp thụ, vật liệu lọc, vải bảo vệ thải nhiễm TPNH	Rắn	18 02 01	112
7	Dầu thải (dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải)	Lỏng	17 02 03	70
	Tổng			966

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bìa catton, giấy cắt mẫu, túi nilon và bao bì hỏng trong khâu đóng gói sản phẩm	60.000
2	Vải vụn	1.530.000
3	Tro lò đốt hơi	90.000
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	3.000
5	Sắt, thép phế thải	5.000
	Tổng	1.688.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	120
	Tổng	120

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa có nắp đậy.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: 01 Khu

- Diện tích: 77,8 m² (BxL=7,78 x 10m); phân loại chất thải nguy hại theo mã để lưu chứa đúng quy định.

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường gạch bao quanh cao 4 m, mái che bằng tôn, nền đổ bê tông xi măng, có gờ chống tràn chất lỏng.

- Khu vực lưu chứa CTNH của dự án đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại, có lắp đặt hệ thống thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bể xây gạch (chứa trơ, xỉ lo đốt cấp hơi), bố trí thùng và bao bì chứa chất thải công nghiệp thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải diện tích 87,8 m² (BxL= 8,78 x 10m).
- Thiết kế, cấu tạo: Mái che bằng tôn, nền láng bê tông chống thấm, trong đó có chia thành các ô chứa, lưu giữ chất thải..

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị các thùng chứa chất thải sinh hoạt loại 120 lít/thùng;

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 77,8 m² (BxL= 7,78 x 10m).
- Thiết kế, cấu tạo: Mái che bằng tôn, nền láng bê tông chống thấm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Chính phủ./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ SẼ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy xác nhận số 284/GXN-UBND ngày 30/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy may xuất khẩu S&H Vina tại Thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

3. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải phải được quản lý để tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong khí thải các hệ thống xử lý khí thải của nhà máy bảo đảm khí thải sau xử lý đáp ứng QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B). Khí thải phải được quản lý để giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành;

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.